

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Đ: 12
H: 05

Ng. Hà Thanh Tâm
Ng. Hà Thanh Tâm
Minh Thuận
Lê Thảo
P.T. H
P.T. H

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025
Giờ thi: 12h30
Phòng thi: D5-28
Số SV có mặt: 15
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170615	Trần Văn Võ	Đặng	28/04/2004	CCQ2217P							0		
2	2122040023	Nguyễn Khánh	Đạt	22/05/2004	CCQ2204A							3,8		
3	2121170249	Nguyễn Thành	Đạt	09/03/2003	CCQ2117H	154	Đạt	4,5	Đạt	6,0	5,3	6,8	5,9	
4	2122210090	Nguyễn Thành	Đạt	18/09/2004	CCQ2221C	1565	Đạt	8,4	Đạt	7,9	8,2	7	7,7	
5	2122170551	Nguyễn Hữu Phúc	Đức	18/07/2004	CCQ2217N	1562	Đức	4,8	Đức	3,1	4,0	7,4	5,4	
6	2122180051	Nguyễn Tùng	Dương	20/11/2004	CCQ2218B	1563	Dương	3,1	Dương	4,7	3,9	6,3	4,9	
7	2122170557	Huỳnh Thái	Duy	23/09/2004	CCQ2217N							0		
8	2122170553	Mai Thành	Duy	26/10/2004	CCQ2217N	1563	Đuy	5,5	Đuy	5,5	5,5	7,5	6,3	
9	2122170718	Lê Văn	Hà	25/09/2004	CCQ2217R	1562	Hà	4,0	Hà	7,4	5,7	8,5	6,8	
10	2122110237	Lê Nhật	Hân	29/01/2003	CCQ2211F	1565	Hân	4,3	Hân	3,0	3,7	7,3	5,1	
11	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B							0		
12	2122170664	Bùi Thanh	Hậu	24/09/2004	CCQ2217Q	1563	Hậu	3,2	Hậu	1,9	4,1	7,7	5,5	
13	2122120127	Đỗ Minh	Hậu	20/09/2004	CCQ2212D							0		
14	2122170451	Vô Hùng	Hậu	11/05/2004	CCQ2217L	1565	Hùng	4,8	Hùng	2,8	3,8	7,9	5,4	
15	2122030066	Nguyễn Công	Hoàng	05/10/2004	CCQ2203B							6,6		
16	2122170127	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	CCQ2217D	1565	Hùng	4,4			0,0	2,5	1,0	
17	2122170228	Ngô Nguyễn Gia	Huy	09/12/2004	CCQ2217F							0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 2
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viễn chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguy 5 Thanh Tâm

Ng 5 Hà Thanh Văn

Cái Minh Thuận

Lo 5 Thảo

Ph 5

C. Lê Thảo

Ph 5 Thị Hương

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: *17*

Số bài thi: *17*

Số tờ giấy thi: *17*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *14/11/2025*

Giờ thi: *12h30*

Phòng thi: *D5-28*

Số SV có mặt: *15*

Số bài thi: *15*

Số tờ giấy thi: *15*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122030189	Trần Minh	Kết	25/10/2003	CCQ2203F	1563	<i>Kết</i>	5,2	<i>Kết</i>	00	2,6	5,5	3,8	-
19	2122180069	Võ Đăng	Khoa	17/04/2004	CCQ2218C							0		
20	2122170057	Phạm Tuấn	Kiệt	03/10/2004	CCQ2217B	1565	<i>Ph</i>	5,2	<i>Ph</i>	7,8	6,5	7,6	6,9	
21	2122110479	Nguyễn Thái Duy	Luân	30/05/2004	CCQ2211L	1562	<i>Luc</i>	4,3	<i>Luc</i>	2,9	3,6	8	5,4	
22	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D							3,4		
23	2122070029	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	12/08/2004	CCQ2207A	1564	<i>Nay</i>	3,9	<i>Nay</i>	6,9	5,4	7,8	6,4	
24	2122120308	Cao Văn Hoài	Nam	12/11/2001	CCQ2212J							4,1		
25	2120030121	Nguyễn Văn	Nam	17/08/2002	CCQ2003D	1562	<i>Nay</i>	3,8	<i>Nay</i>	2,9	3,4	7	4,8	-
26	2122200063	Huỳnh Thị Quỳnh	Nga	22/12/2004	CCQ2220B							0		
27	2122070002	Thái Thị Kim	Ngân	17/06/2004	CCQ2207A	1564	<i>Ph</i>	6,3	<i>Ph</i>	8,0	7,2	7,9	7,5	
28	2122030057	Lưu Chí	Nghĩa	13/09/2004	CCQ2203B	1563	<i>Ph</i>	3,6			00	6,4	2,6	-
29	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C							2,8		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Đ: 23
H: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Cải Minh Thuận

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120281	Lê Thị Vân	Anh	13/03/2005	CCQ2312E	1564	<i>[Signature]</i>	6,9	<i>[Signature]</i>	7,6	7,3	8,4	7,7	
2	2122170004	Đặng Trần Quốc	Bảo	17/08/2002	CCQ2217A	1563	<i>[Signature]</i>	5,4	<i>[Signature]</i>	3,8	4,6	6,4	5,3	
3	2123150030	Nguyễn Thành	Đạt	17/08/2005	CCQ2315A	1564	<i>[Signature]</i>	9,0	<i>[Signature]</i>	6,1	7,6	5	6,6	
4	2122270102	Vũ Bá	Đạt	22/05/2003	CCQ2227D	1561	<i>[Signature]</i>	4,0	<i>[Signature]</i>	3,6	3,8	5,3	4,4	
5	2122120379	Đinh Thị Thủy	Dung	19/01/2004	CCQ2212L	1564	<i>[Signature]</i>	5,7	<i>[Signature]</i>	5,6	5,7	6,3	5,9	
6	2123120326	Phạm Anh	Dũng	13/03/2005	CCQ2312E	1563	<i>[Signature]</i>	6,6	<i>[Signature]</i>	6,8	6,7	7,9	7,2	
7	2123170621	Ngư Trung	Dương	14/10/2005	CCQ2317R	1562	<i>[Signature]</i>	5,5	<i>[Signature]</i>	4,3	4,9	5,2	5,0	
8	2123170540	Phạm Đăng	Dương	17/10/2005	CCQ2317P	1563	<i>[Signature]</i>	3,6	<i>[Signature]</i>	5,0	4,3	6,9	5,3	
9	2123180090	Nguyễn Văn	Đường	03/03/2005	CCQ2318C	1562	<i>[Signature]</i>	7,9	<i>[Signature]</i>	7,3	7,6	8,5	8,0	
10	2122170016	Nguyễn Đức	Duy	13/05/2004	CCQ2217A	1565	<i>[Signature]</i>	6,1	<i>[Signature]</i>	4,8	5,5	7,1	6,1	
11	2122030064	Võ Trần	Duy	04/09/2004	CCQ2203B	1562	<i>[Signature]</i>	3,1	<i>[Signature]</i>	5,9	4,5	6,5	5,3	
12	2123030097	Nguyễn Hoàng	Hải	11/01/2005	CCQ2303C	1565	<i>[Signature]</i>	8,8	<i>[Signature]</i>	7,6	8,2	8,3	8,2	
13	2123200542	Trần Thanh	Hải	20/04/2005	CCQ2320F	1562	<i>[Signature]</i>	6,3	<i>[Signature]</i>	4,8	5,6	8,2	6,6	
14	2123140046	Nguyễn Anh	Hào	09/11/2005	CCQ2314B	1564	<i>[Signature]</i>	6,6	<i>[Signature]</i>	5,8	6,2	7,7	6,8	
15	2123310006	Phạm Quang	Hiệu	05/01/2005	CCQ2331A	1562	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>[Signature]</i>	4,2	5,5	6,8	6,0	
16	2123170559	Cao Khả	Hoàn	25/07/2005	CCQ2317P	1565	<i>[Signature]</i>	2,8	<i>[Signature]</i>	5,0	3,9	7,4	5,3	
17	2123170405	Phạm Huy	Hoàng	23/09/2004	CCQ2317L	1562	<i>[Signature]</i>	3,3	<i>[Signature]</i>	4,5	3,9	7,2	5,2	

09/11/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Cái Minh Thuận

Le Thào

Le Thào

T.T. Hoàng

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122170697	Trần Quốc	Hoàng	08/04/2004	CCQ2211L	1565		4,8	co' thi	4,3	4,6	8	6,0	
19	2122170236	Nguyễn Quốc	Huân	26/09/2004	CCQ2217F	1562		4,1	Huân	4,0	4,1	7	5,3	
20	2123170582	Lê Văn	Huy	19/12/2004	CCQ2317Q	1565		5,4	Huy	4,5	5,0	6	5,4	
21	2123120226	Trần Đình Khánh	Huyền	28/06/2005	CCQ2312E	1563		5,9	Huyền	6,8	6,4	7,9	7,0	
22	2122170518	Phạm Minh	Khoa	01/03/2003	CCQ2217M									
23	2123170375	Huỳnh Anh	Khương	13/07/2005	CCQ2317K	1563		5,8	Khương	4,0	4,9	7,5	5,9	
24	2123110431	Nguyễn Đình	Kiệt	12/09/2005	CCQ2311K	1564		5,8	Kiệt	4,1	5,0	7,6	6,0	
25	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấn	Kiệt	31/01/2005	CCQ2314B	1563		4,0	co' thi	5,6	4,8	7,6	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Đ: 16
H: 04

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Cái Minh Thuận

Lê Thái

C. Lê Thảo

Lê Thái
T.T. Đình Hương

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123180080	Nguyễn Phước	Lên	13/03/2005	CCQ2318C	1565	Yên	5,2	Yên	5,2	5,2	7,4	6,1	
2	2123170396	Nguyễn Quang	Linh	18/07/2004	CCQ2317L	1564	Linh	4,1	Linh	4,6	4,4	7,8	5,8	
3	2123150021	Nguyễn Thành	Lộc	08/05/2003	CCQ2315A	1564	Lộc	2,6			00	2,7	1,1	✓
4	2122030055	Nguyễn Văn	Lợi	06/01/2003	CCQ2203B							0		
5	2122100199	Nguyễn Thục Vân	Long	09/11/2004	CCQ2210F	1565	OL	6,9	OL	3,9	5,4	7,7	6,3	
6	2123120286	Nguyễn Phạm Ngọc	Luyến	29/08/2005	CCQ2312F	1562	cao	9,0	Quang	6,3	7,7	9,7	8,5	
7	2123140063	Lê Hữu	Nghĩa	30/08/2005	CCQ2314B	1563	Ngũ	3,4	Ngũ	4,1	3,8	7,8	5,4	
8	2123140071	Trần Trung	Nguyễn	27/02/2005	CCQ2314B	1564	Trung	5,8	Trung	7,7	6,8	8,3	7,4	
9	2122100352	Lê Thị Hồng	Nhung	05/05/2004	CCQ2210J	1562	Nhung	5,0	Nhung	5,1	5,1	6,2	5,3	
10	2122220006	Nguyễn Tấn	Phát	26/08/2003	CCQ2222A							0		
11	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A	1563	Phước	6,8	Phước	4,8	5,8	8	6,7	
12	2123180082	Phạm Phan Minh	Quyển	29/11/2003	CCQ2318C	1563	Quyển	4,3	Quyển	4,3	4,3	7,2	5,5	
13	2123100215	Mai Xuân	Quỳnh	25/07/2005	CCQ2310F	1565	Quỳnh	6,7	Quỳnh	5,8	6,3	7,8	6,9	
14	2123100069	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	15/01/2005	CCQ2310B							0		
15	2122210133	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/10/2004	CCQ2221D	1565	Tâm	4,2	Tâm	4,2	4,2	6,6	5,2	
16	2122170703	Trần Hoài	Thanh	25/01/2003	CCQ2217R	1564	Hoài	4,9	Hoài	3,2	4,1	4,6	4,3	✓
17	2123040019	Võ Trường	Thành	03/06/2005	CCQ2304A	1563	Trường	6,3	Trường	00	3,2	6,8	4,6	✓

09/11/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Cải Minh Thuận

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HPP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122120390	Nguyễn Hiền	Trang	15/10/2004	CCQ2212L	1562	Trang	5,2	Trang	5,5	5,4	6,5	5,8	
19	2122210200	Quách Hoàng Phương	Trình	06/04/2003	CCQ2221F							0		
20	2122200042	Phạm Thanh	Trụ	24/03/2004	CCQ2220B	1562	Trụ	4,9	Trụ	3,3	4,1	8,2	5,7	
21	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A							0		
22	2123110411	Nguyễn Xuân	Tường	25/10/2005	CCQ2311K	1565	Xuân	3,8	Xuân	3,1	3,5	7,4	5,1	
23	2122200133	Đặng Phương	Uyên	06/09/2004	CCQ2220D	1563	Uyên	6,4	Uyên	1,5	4,0	7,1	5,2	
24	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	1564	Vũ	4,2	Vũ	2,0	3,1	7,1	4,7	
25	2123110511	Đoàn Như	Ý	17/06/2005	CCQ2311M	1562	Như	6,3	Như	6,5	6,4	7,5	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

A: 13
H: 09

[Signature]

[Signature]
Nguyễn T.P. Linh

Cái Minh Thuận

[Signature]

[Signature]
P.T. W.

[Signature]
Trần Thị Ngọc

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122110432	Hồ Trung	Nhật	02/06/2004	CCQ2211LA	1562	<i>[Signature]</i>	4,3	<i>[Signature]</i>	3,8	4,1	7	5,3	
2	2122110069	Đinh Lê	Phát	26/04/2004	CCQ2211B	1563	<i>[Signature]</i>	5,3	<i>[Signature]</i>	5,2	5,3	8,2	6,5	
3	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A	1564	<i>[Signature]</i>	3,7	<i>[Signature]</i>	7,0	5,4	7,9	6,4	
4	2122190087	Nguyễn Tuấn	Phát	17/07/2001	CCQ2219C	1565	<i>[Signature]</i>	4,3	<i>[Signature]</i>	5,5	4,9	4,7	4,8	
5	2122040021	Nguyễn Văn	Phước	21/12/2004	CCQ2204A							0		
6	2122270079	Ngô Thanh	Quang	14/04/2004	CCQ2227C							0		
7	2122170148	Hoàng Tấn	Tài	11/08/2004	CCQ2217D							6,2		
8	2122170591	Ngưu Thanh	Tấn	14/02/2004	CCQ2217O	1564	<i>[Signature]</i>	3,0			00	4,9	2,0	
9	2122030040	Trần Đức	Thắng	12/01/2004	CCQ2203B							0		
10	2122170630	Nguyễn Văn	Thành	25/08/2004	CCQ2217P							3,9		
11	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A	1562	<i>[Signature]</i>	3,0			00	7,3	2,9	
12	2122190101	Đặng Nguyễn Chí	Thiện	06/09/2002	CCQ2219C	1563	<i>[Signature]</i>	2,6	<i>[Signature]</i>	5,0	3,8	5,2	4,4	
13	2123170415	Nguyễn Minh	Thiện	04/11/2005	CCQ2317L	1564	<i>[Signature]</i>	2,9	<i>[Signature]</i>	00	1,5	6	3,3	
14	2122170149	Huỳnh Châu	Thịnh	27/10/2004	CCQ2217D	1565	<i>[Signature]</i>	5,3			00	2,6	1,0	
15	2122110325	Nguyễn Bá	Thịnh	17/09/2004	CCQ2211I	1562	<i>[Signature]</i>	3,6	<i>[Signature]</i>	11,3	4,0	6,9	5,2	
16	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C							3,2		
17	2122170151	Đào Bảo	Thương	06/11/2004	CCQ2217D	1564	<i>[Signature]</i>	2,2	<i>[Signature]</i>	2,8	2,5	8,7	5,0	

04/11/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
P.X.V.

[Signature]
Ng.T.P. Linh

Cái Minh Thuận

[Signature]
Lê Thảo

[Signature]
P.1.1.1

[Signature]
Minh Th. Thảo

C. Lê Thảo

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 10/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 14/11/2025 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Phòng thi: 125-28 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B	1565	<i>[Signature]</i>	4,0	<i>[Signature]</i>	4,9	4,5	6,8	5,4	
19	2122030181	Nguyễn Thanh	Toán	27/07/2002	CCQ2203H	1562	<i>[Signature]</i>	5,2	<i>[Signature]</i>	6,8	6,0	8	6,8	
20	2122170430	Nguyễn Tấn	Toàn	21/01/2004	CCQ2217K	1563	<i>[Signature]</i>	4,1	<i>[Signature]</i>	4,8	4,5	7,1	5,5	
21	2123200114	Nguyễn Hoài Ngọc	Tú	04/12/2005	CCQ2320A	1564	<i>[Signature]</i>	4,4	<i>[Signature]</i>	3,8	4,1	6,7	5,1	
22	2122180104	Nguyễn Ngọc	Tư	27/11/2003	CCQ2218LA							6,7		
23	2122140039	Nguyễn Hữu	Tỷ	18/05/2004	CCQ2214B	1562	<i>[Signature]</i>	5,0	<i>[Signature]</i>	3,0	4,0	6,9	5,2	
24	2122110098	Võ Đại	Vĩ	18/04/2004	CCQ2211C	1563	<i>[Signature]</i>	3,3	<i>[Signature]</i>	0,0	1,7	7	3,8	
25	2123030251	Đỗ Quốc	Vin	26/08/2005	CCQ2303G	1564	<i>[Signature]</i>	5,8	<i>[Signature]</i>	7,2	6,5	8,2	7,2	
26	2122170147	Lê Quang	Vinh	29/02/2004	CCQ2217D							9		
27	2122110026	Phạm Anh	Vũ	19/09/2004	CCQ2206A	1562	<i>[Signature]</i>	4,8	<i>[Signature]</i>	2,8	3,8	6,9	5,0	
28	2122180077	Thập Văn Anh	Vũ	02/04/2004	CCQ2218C	1563	<i>[Signature]</i>	4,2	<i>[Signature]</i>	3,0	3,6	5,6	4,4	
29	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B	1563	<i>[Signature]</i>	3,6	<i>[Signature]</i>	7,7	5,7	8,2	6,7	
30	2123110079	Tạ Thanh	Xuân	23/07/2005	CCQ2311C	1565	<i>[Signature]</i>	2,5	<i>[Signature]</i>	0,5	1,5	6,3	3,4	